**PHỤ LỤC VIII**

 UBND TỈNH KON TUM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

 **KON RẪY**

 MST 6100186422

 Số: /BC-C.Ty *Kon Rẫy, ngày tháng năm 2019*

**BÁO CÁO THỰC TRẠNG QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA DOANH NGHIỆP NĂM 2018**
*(Ban hành kèm theo Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ)*

**I. THỰC TRẠNG QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC DOANH NGHIỆP**

1. Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty (đối với doanh nghiệp không có Hội đồng thành viên):

Chủ tịch công ty và các cán bộ chủ chốt:

 **BIỂU SỐ 1**

**THÔNG TIN VỀ TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC DOANH NGHIỆP**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Ho và tên** | **Năm sinh** | **Chức danh** | **Phân loại thành viên** | **Trình độ chuyên môn** | **Kinh nghiệm nghề nghiệp** | **Các vị trí quản lý đã nắm giữ** | **Công việc quản lý được giao** |
| **Chức danh tại doanh nghiệp** | **Chức danh tại công ty khác *(nếu có)*** |
| I. HĐTV hoặc Chủ tịch công ty |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
|  01 | Hồ Đắc Thanh  |  1958 |  Chủ tịch công ty |  không có |  Chuyên trách |  Đại học kinh tế |  Trên 10 năm làm Giám đốc vườn quốc gia Chư Mom Ray |  Chủ tịch công ty, kiêm giám đốc công ty ( Tháng 11/2014- 2/2018) |  Chỉ đạo điều hành  |
| 02 | Lê Viết Bẩy | 1975 | Chủ tịch công ty | không có | Chuyên trách | Kỹ sư lâm sinhThạc sỹ lâm học | Trên 10 năm làm công tác lâm nghiệp | Chủ tịch công ty từ ngày 10/11/2018 đến nay | Chỉ đạo điều hành  |
| II. TGĐ hoặc GĐ |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
|  01. |  Hồ Đắc Thanh |  1958 | Giám đốc công ty  |  không có | Kiêm nhiệm  |  Đại học kinh tế |  trên 10 nămGiám đốc vườn Quốc gia Chư mom ray; |  Giám đốc công ty (Tháng11/2014 -2/2018) |  Giám đốc điều hành |
| 02 | Võ Hồng Huy | 1966 | Giám đốc công ty  | không có | Chuyên trách | Kỹ sư lâm sinh | 09 năm làm phó giám đốc | Giám đốc từ ngày 17/12/2018 đến nay | Giám đốc điều hành |
| III. Phó TGĐ hoặc PGĐ |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
|  01 |  Võ Hồng Huy | 1966  |  Phó giám đốc |  không có |  Chuyên trách | Đại học lâm sinh  |  06 năm làm trưởng phòng Liên hiệp xí nghiệp;06 năm làm giám đốc CN lâm trường09 năm làm phó giám đốc |  -Giám đốc lâm trường;  |  Phó giám đốcPhó giám đốc phụ trách công ty từ ngày 01/3/2018 đến ngày 16/12/2018 |
| 02 | Nguyễn Văn Quý | 1981 | Phó giám đốc | không có | Chuyên trách | Đại học lâm sinhThạc sỹ lâm học | 01 năm làm giám đốc CN lâm trường06 năm làm trưởng phòng kỹ thuật- QLBV rừng | Phó giám đốc (tháng 9 năm 2017) |  |
| IV. Kế toán trưởng |  Trần Văn Hữu | 1977  |  Kế toán trưởng |  không có |  Chuyên trách | Đại học kinh tế Đại học kế toán | 14 năm làm phòng kế hoạch - tài chính; 9 năm làm Kế toán trưởng |  Phụ trách phòng kế hoạch - tài chính;Phụ trách phòng kế toán tài chính |  Phụ trách phòng kế hoạch - tài chính;Phụ trách phòng kế toán tài chính |

2. Ban kiểm soát hoặc Kiểm soát viên

Danh sách thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát hoặc Kiểm soát viên.

Kiểm soát viên: 01 người

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Ho và tên** | **Năm sinh** | **Chức danh** | **Phân loại thành viên** | **Trình độ chuyên môn** | **Kinh nghiệm nghề nghiệp** | **Các vị trí quản lý đã nắm giữ** | **Công việc quản lý được giao** |
| **Chức danh tại doanh nghiệp** | **Chức danh tại công ty khác *(nếu có)*** |
| 01. Kiểm soát viên |  Quách Văn Chính |  1960 |  Kiểm soát viên |  không có |  chuyên trách |  Đại học kế toán | 10 năm Kế toán trưởng LT Măng Đen; 12 năm Giám đốc CN lâm trường Măng Đen |  Kế toán trưởng lâm trường Măng Đen; Giám đốc CN lâm trường Măng Đen;  |  Kiểm soát viên |

3. Thù lao và lợi ích của Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, thành viên Ban kiểm soát hoặc Kiểm soát viên, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc, Phó tổng giám đốc hoặc Phó giám đốc, Kế toán trưởng.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
| **STT** | **Chỉ tiêu tiền lương, thù lao, tiền thưởng** | **Đơn vị tính** | **Số báo cáo năm 2018** |
| **Kế hoạch** | **Thực hiện** |
| **I** | **Tiền lương của viên chức quản lý chuyên trách** |  |  |  |
| 1 | Số người quản lý chuyên trách (tính bình quân) | Người | 5,0 | 4,33 |
| 2 | Hạng công ty được xếp | - | II | II |
| 3 | Hệ số mức lương bình quân | - | 5,576 | 5,235 |
| 4 | Mức lương cơ bản bình quân | Tr.đồng/th | 21,4 | 22,256 |
| 5 | Hệ số tăng thêm so với mức lương cơ bản (nếu có) | - | 0,04 | 0,0326 |
| 6 | Quỹ tiền lương | Tr.đồng | 1.335,36 | 1.194,2 |
| 7 | Mức tiền lương bình quân | Tr.đồng/th | 22,26 | 22,98 |
| **II** | **Thù lao của viên chức quản lý không chuyên trách**  |  |  |  |
| 1 | Số người quản lý không chuyên trách (tính bình quân) | Người | 0,0 | 0,0 |
| 2 | Tỷ lệ thù lao bình quân so với tiền lương | % | 0,0 | 0,0 |
| 3 | Quỹ thù lao | Tr.đồng | 0,0 | 0,0 |
| 4 | Mức thù lao bình quân | Tr.đồng/th | 0,0 | 0,0 |
| **III** | **Tiền thưởng, thu nhập** |  |  |  |
| 1 | Quỹ tiền thưởng | Tr.đồng | 111,28 | 99,52 |
| 2 | Quỹ tiền thưởng an toàn (nếu có) | Tr.đồng | 0,0 | 0,0 |
| 3 | Mức thu nhập bình quân của viên chức quản lý chuyên trách (2) | Tr.đồng/th | 24,11 | 20,68 |
| 4 | Mức thu nhập bình quân của viên chức quản lý không chuyên trách (3) | Tr.đồng |   |   |

**II. CÁC QUYẾT ĐỊNH CỦA CƠ QUAN ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP**

**BIỂU SỐ 2**

**CÁC QUYẾT ĐỊNH CỦA CƠ QUAN ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP***(Tóm tắt các quyết định quan trọng, có tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của doanh nghiệp)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Số văn bản** | **Ngày** | **Nội dung (nêu tóm tắt nội dung chính của văn bản)** |
|  01 |  Quyết định số 398/QĐ-UBND |  14/04/2016 |  Về việc phê duyệt chiến lược phát triển giai đoạn 2015-2025; kế hoạch sản xuất kinh doanh và Kế hoạch đầu tư phát triển 5 năm 2016-2020 của Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Kon Rẫy. |
|  02 |  Quyết định số 1387/QĐ-UBND  |  14/11/2016 |  Về việc phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Kon Rẫy |
|  03 |  Quyết định số 201/QĐ-UBND  |  20/3/2017 |  Về việc ban hành quy chế quản lý tài chính của Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Kon Rẫy |
| 04 | Văn bản số 1080/UBND-KT  | 04/5/2018 | Về việc giao chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động doanh nghiệp năm 2018 |
| 05 | Quyết định số 573/QĐ-UBND  | 05/6/2019  | Về việc phê duyệt kết quả xếp loại doanh nghiệp các Công ty TNHH MTV do Ủy ban nhân dân tỉnh làm đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước năm 2018 |

**III. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT HOẶC KIỂM SOÁT VIÊN CỦA DOANH NGHIỆP**

1. Hoạt động giám sát của Ban kiểm soát hoặc Kiểm soát viên

2. Các báo cáo của Ban kiểm soát hoặc Kiểm soát viên:

**BIỂU SỐ 5**

**THỐNG KÊ CÁC BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT HOẶC KIỂM SOÁT VIÊN***(Chỉ nêu tóm tắt các các báo cáo quan trọng, có tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của doanh nghiệp)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Số văn bản** | **Ngày** | **Nội dung** |
| 01 | 01/BC-KSV | 12/3/2018 | Báo cáo giám sát và thẩm định báo cáo tài chính, kết quả SXKD công ty TNHH MTV lâm nghiệp Kon Rẫy năm 2017 |
| 02 | 02/BC-KSV | 30/7/2018 | Thẩm định B/C tài chính và kết quả hoạt động SXKD 6 tháng đầu năm 2018 |
| 03 | 01/BC-KSV | 04/3/2019 | Báo cáo giám sát và thẩm định báo cáo tài chính, kết quả SXKD công ty TNHH MTV lâm nghiệp Kon Rẫy năm 2018 |

 **GIÁM ĐỐC**

**Nơi nhận:**

- Bộ kế hoạch và đầu tư

- UBND tỉnh Kon Tum

- Sở kế hoạch và đầu tư

- Kiểm soát viên

- Lưu VT.